

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 305/2025/HS-ST
Ngày: 26/9/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chu Mạnh Tường
- Bà Phan Thị Mai Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 197/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Minh S, sinh năm: 1989; Giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); Nơi thường trú: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp H, xã T, thành phố Cần Thơ); Nơi ở hiện tại: số A Tỉnh lộ 43, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần X và bà Lý Thị P; bị cáo chưa có vợ, con: tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/10/2024 (có mặt).

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1988; Giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: số E ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp); Nơi ở hiện tại: số A Tỉnh lộ 43, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn N và bà Đào Thị Ngọc T1 (chết); Vợ Nguyễn Thị Thủy T2; bị cáo chưa có con; tiền án: không;

tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/10/2024 (có mặt).

3. Nguyễn Thị Yên N1, sinh năm: 1996; Giới tính: Nữ; nơi sinh: tỉnh Ninh Bình; Nơi thường trú: ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện tại: số A Tỉnh lộ 43, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Đồng T3 (chết) và bà Nguyễn Thị L; chồng Lê Văn P1 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/10/2024 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Trần Minh S và Nguyễn Thị Y Nhị sống chung như vợ chồng từ tháng 06/2024, cả hai cư trú tại phòng trọ thứ 3 nhà số A Tỉnh lộ 43, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến tháng 09/2024, Nguyễn Thanh T là bạn làm chung với S đến nên S và N1 nhường phòng trọ cho T ở, còn S và N1 chuyển sang thuê phòng trọ thứ 5 (cùng nhà trọ) để ở, tiền thuê trọ mỗi tháng do S trả. Trong quá trình sống ở đây, T và S 02 lần hùn tiền mua ma túy sử dụng chung với nhau (mỗi lần mỗi người hùn 100.000 đồng), S là người giữ tiền và đi mua ma túy. Các lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 11/09/2024 và lần thứ hai vào ngày 29/09/2024, sau khi mua ma túy thì S và T cùng sử dụng với nhau tại phòng trọ của S. Cả hai lần sử dụng thì trong phòng chỉ có T và S, N1 không biết việc cả hai sử dụng ma túy. Nguồn ma túy do S mua của một người đàn ông tên T4 (không rõ lai lịch), có số điện thoại 0982532641 tại ngã ba Ô, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng 09 giờ 00 ngày 04/10/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên S gọi điện thoại cho T4 số thuê bao 0982 532 641 hỏi mua ma túy đá rồi đến ngã ba Ô gặp Thạch mua được 01 gói ma túy đá với số tiền 500.000 đồng. Sau khi mua về S cất trong hộp nhựa bỏ vào ca nhựa để trên nền nhà (N1 không biết). Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, N1 và S rủ T qua phòng ăn sáng. Do S và T đã sử dụng ma túy với nhau từ trước nên ăn sáng xong thì S lấy gói ma túy ở trong ca nhựa đổ một ít vào bình hút ma túy (của S, tự chế từ trước), rồi cầm quẹt gas đốt hút xong thì để xuống nền nhà, T thấy và tự cầm bình hút và quẹt gas đốt hút, hút xong T để trên nền nhà. Do bản thân cũng biết sử dụng ma túy nên khi thấy T và S sử dụng thì N1 tự cầm bình hút ma túy, quẹt gas lên đốt hút, hút xong để trên nền nhà, sau đó không ai hút nữa. Lúc này, trong bình hút ma túy vẫn còn ít ma túy. T đi về phòng, N1 đem bình hút ma túy và quẹt gas đem vào nhà vệ sinh cất.

Đến 18 giờ 15 phút cùng ngày, Công an phường B, thành phố T (nay là phường T) kiểm tra hành chính nhà số A Tỉnh lộ 43, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện T, S, N1 có biểu hiện sử dụng ma túy nên đưa về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Minh S, Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thanh T thừa nhận hành vi sử dụng ma túy như đã nêu trên.

Cơ quan Công an khám xét chỗ ở của S thu giữ: 15 gói nylon rỗng, 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 ống hút cắt nhọn một đầu, 01 quạt gas màu xanh, 01 kéo màu đen; N1 chỉ chỗ cất giấu và lấy giao nộp: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa, nắp màu đỏ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh chứa tinh thể) và 01 quạt gas. Ngoài ra qua khám xét khẩn cấp thu giữ của N1 (tại phòng thứ 3) 01 túi màu nâu đựng 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. N1 khai nhận là ma túy đá, vài ngày trước do N1 cãi nhau với S nên N1 đem túi này để nhờ trong phòng của T (T không biết bên trong có ma túy). Nguồn ma túy này vào tháng 07/2024, D (bạn N1, không rõ lai lịch) cho N1 khi cả hai nhậu ở quê, rồi N1 đem cất giấu nhằm sử dụng cá nhân.

Kết luận giám định số 11819/KL-KTHS ngày 11/10/2024 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận:

- 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (trong ca nhựa) là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,1184 gam, loại Methamphetamine (thu của S).

- 01 ống thủy tinh chứa tinh thể (trong dụng cụ sử dụng ma túy đá) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,1079 gam, loại Methamphetamine (thu của S).

- 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (trong túi màu nâu) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,1385 gam, loại Methamphetamine (thu của N1).

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Trần Minh S:

- + Ca nhựa (màu xanh lá cây) đựng 01 hộp nhựa bên trong chứa: 15 gói nylon rỗng (hàn kín một đầu) và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 ống hút cắt nhọn một đầu;

- + 01 quạt gas (màu xanh dương);

- + 01 cái kéo màu đen;

- + 01 dụng cụ sử dụng ma túy đá (01 chai nhựa, nắp màu đỏ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh chứa tinh thể) và 01 quạt gas tự chế.

- + 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu đen, số thuê bao 034.251.9063.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Yến N1:

- + 01 điện thoại di động OPPO, màu tím;

- + 01 túi màu nâu đựng 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Kết quả xét nghiệm: Nguyễn Thanh T, Trần Minh S, Nguyễn Thị Yến N1

đều dương tính với chất ma túy.

[2] Bản Cáo trạng số 142/CT-VKSKV2 ngày 27/08/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

- Bị cáo Trần Minh S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 và điểm a, b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Nguyễn Thị Yến N1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Minh S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Thị Yến N1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm a, b Khoản 2; Khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 55; Điều 58; Khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh S từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, từ 10 năm đến 10 năm 6 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt là từ 13 năm 6 tháng đến 14 năm 6 tháng tù. Đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Trần Minh S số tiền 10.000.000 đồng.

+ áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến N1 từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ áp dụng điểm a Khoản 2; Khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 08 năm 6 tháng đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 5.000.000 đồng.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Trần Minh S, Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì đối với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận về hành vi của mình đã gây ra, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm tái hòa nhập cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T (nay là Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 09 giờ ngày 04/10/2024 tại phòng trọ thứ 3 và phòng trọ thứ 5 nhà số A Tỉnh lộ 43, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) Trần Minh S đã có hành vi tàng trữ 1,2263 gam, loại Methamphetamine và Nguyễn Thị Yến N1 đã có hành vi tàng trữ 0,1385 gam, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng.

Ngày 04/10/2024, tại phòng trọ thứ 5 nhà số A Tỉnh lộ 43, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Trần Minh S còn có hành vi cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng, địa điểm cho Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thanh T sử dụng ma túy. Ngoài ra, S và T đã 02 lần hùn tiền để mua ma túy về sử dụng tại phòng trọ của S vào ngày 11/09/2024 và ngày 29/09/2024.

Hành vi của bị cáo Trần Minh S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định điểm c Khoản 1 Điều 249 và điểm a, b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Yến N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do tính chất đặc biệt của chất ma túy có thể gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội. Nhà nước ta cũng như cả thế giới đều ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy, mọi hành vi trái pháp luật liên quan đến ma túy đều bị nghiêm cấm và xử lý

nghiêm khắc nếu có vi phạm. Các bị cáo trong khoảng thời gian ngắn đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội liên quan đến tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đã thể hiện ý thức xem thường kỷ cương và pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung trong xã hội, đặt biệt là tội phạm về ma túy.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Minh S, Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thanh T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo Trần Minh S và Nguyễn Thanh T phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, tuy nhiên đã dùng yếu tố định khung hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo Trần Minh S, Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thanh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

[5] Đối với người đàn ông tên T4 bán ma túy cho Trần Minh S do chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên D bán ma túy cho Nguyễn Thị Yến N1 do nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 03 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên của Giám định viên và cán bộ điều tra (vụ 3663/24); 01 ca nhựa (màu xanh lá cây); 01 hộp nhựa; 15 gói nylon rỗng (hàn kín một đầu); 01 ống hút cắt nhọn một đầu; 01 quẹt gas; 01 cái kéo màu đen; 01 dụng cụ sử dụng ma túy; 01 quẹt gas tự chế; 01 túi màu nâu; Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu đen, số thuê bao 034.251.9063; 01 điện thoại di động OPPO, màu tím; các bị cáo dùng điện thoại di động trên vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Minh S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ

chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Bị cáo Nguyễn Thị Yến N1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;
- Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm a, b Khoản 2; Khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 55; Điều 58; Khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Minh S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 10 (mười) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Minh S phải chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2024.

Buộc bị cáo Trần Minh S phải nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng điểm a Khoản 2; Khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2024.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2024.

5. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên của Giám định viên và cán bộ điều tra (vụ 3663/24); 01 ca nhựa (màu xanh lá cây); 01 hộp nhựa; 15 gói nylon rộng (hàn kín một đầu); 01 ống hút cắt nhọn một đầu; 01 quẹt gas; 01 cái kéo màu đen; 01 dụng cụ sử dụng ma túy; 01 quẹt gas tự chế; 01 túi màu nâu;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu đen, số thuê bao 034.251.9063; 01 điện thoại di động OPPO, màu tím;

(Theo Phiếu nhập kho số NK25KV2/361C ngày 03/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

6. Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các bị cáo Trần Minh S, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Yến N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Các bị cáo Trần Minh S, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Yến N1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- Cơ quan CSĐT Công an TP . HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa, Công an TP. HCM;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu